

Số: 69/KH-MNLB

Lương Bằng, ngày 18 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2023- 2024

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND, ngày 08/08/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhà trường năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương.

Trường Mầm non Lương Bằng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

PHẦN MỘT
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG MẦM NONN LƯƠNG BẰNG

Bối cảnh năm học 2023-2024

Cơ sở vật chất: Trường có đủ phòng học và một số phòng chức năng, có đủ trang thiết bị tối thiểu theo TT 02/ BGD-ĐT. Nhà trường có bếp ăn bán trú đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp, có đủ đồ dùng của nhà bếp để phục vụ công tác tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường.

Đội ngũ: Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ, 100% giáo viên là biên chế và có trình độ Cao đẳng sư phạm trở lên, trong đó có 31/33 CBGV có trình độ đại học SPMN, đa số giáo viên có chuyên môn vững vàng, đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, đủ điều kiện để thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo chương trình GDMN quốc gia.

Số nhóm lớp, số trẻ: Nhà trường có 19 nhóm lớp với 512 trẻ. Trong đó có 40 trẻ Nhà trẻ, 472 trẻ Mẫu giáo.

Cảnh quan môi trường: Nhà trường có cảnh quan môi trường sư phạm khá tốt, cơ sở vật chất khang trang sạch sẽ, trường có cổng trường, biển trường, tường rào xung quanh kiên cố, an toàn. Sân trường có cây xanh, bóng mát, có hoa tươi phù hợp với trường, lớp mầm non.

Thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi:**

- Trường Mầm non Lương Bằng luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Kim Động về công tác chuyên môn; sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể về công tác phát triển giáo dục mầm non của thị trấn, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- Trường gần đường quốc lộ, đường giao thông đi lại thuận tiện, trình độ dân trí tại địa phương ở mức khá, người dân rất quan tâm đến giáo dục mầm non.
- Trường có đủ phòng học và một số phòng chức năng, có bếp ăn bán trú đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp, có đủ đồ dùng của nhà bếp để phục vụ công tác tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường.
- 100% giáo viên là biên chế và có trình độ Cao đẳng sư phạm trở lên, trong đó có 31/33 CBGV có trình độ đại học SPMN, đa số giáo viên có chuyên môn vững vàng, đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, đủ điều kiện để thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo chương trình GDMN quốc gia.
- Hiệu trưởng nhà trường rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.
- Đa số phụ huynh trẻ quan tâm đến việc học tập của con em tại trường, nhiều phụ huynh có kinh tế ở mức trung bình khá trở lên so với mặt bằng chung, phụ huynh trẻ chủ yếu đi làm công nhân tại các khu công nghiệp lân cận và buôn bán nhỏ.
- Đa số trẻ trong nhà trường khỏe mạnh, nhận thức tốt, có thể thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

*** Khó khăn**

- Các lớp chưa tập chung được về một điểm trường, một số phòng học diện tích chật hẹp, xuống cấp, không đúng quy định.
- Đồ dùng đồ chơi so với bộ ĐDDC tối thiểu còn thiếu đặc biệt ở các lớp 3 tuổi và nhà trẻ.
- Giáo viên thực hiện CNTT trong soạn thảo văn bản còn hạn chế (căn lề, chính tả, lỗi chấm, phẩy...)
- Số lượng ĐDDC tự làm còn ít, đồ dùng khi sử dụng chưa đạt hiệu quả cao.
- Một số phụ huynh trẻ chưa quan tâm đến việc học tập của con em tại trường, chủ yếu để ông bà đưa con đi lớp.
- Một số trẻ được gia đình nuôi dưỡng chiều trẻ hiếu động nghịch, chưa chú ý đến các hoạt động giáo viên tổ chức.

3. Quy mô phát triển giáo dục

Tổng số lớp: 19 nhóm, lớp; số trẻ: 512, trong đó:

- Khối mẫu giáo 5-6 tuổi: 7 lớp: 200 trẻ
- Khối mẫu giáo 4-5 tuổi: 6 lớp: 172 trẻ
- Khối mẫu giáo 3-4 tuổi: 4 lớp: 100 trẻ
- Khối nhà trẻ: 2 nhóm: 40 trẻ

4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Tổng số phòng học: 19 phòng (17 phòng kiên cố, 2 phòng bán kiên cố).
- Trường có 4 bếp ăn ở 4 thôn với đầy đủ đồ dùng ăn uống, công trình nước sạch, vệ sinh đầy đủ và đảm bảo hợp lý vệ sinh sạch sẽ cho các cháu ăn ngủ tại lớp.
- Nhà trường có tương đối đủ các phòng chức năng theo quy định (Phòng hội trường, phòng y tế, kế toán, phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng...)
- Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

5. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

* **Tổng số: 33 đ/c; trong đó:**

- Ban giám hiệu: 03 đ/c trong đó: 3/3 đ/c có trình độ Đại học.
- Giáo viên: 30 đ/c trong đó: Trình độ Đại học: 28/30 đ/c = 93%; Trình độ Cao đẳng: 2/30 đ/c = 7%;
- Nhân viên nấu ăn: 5 đ/c; NV bảo vệ: 04.
- Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt cao, đủ điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

6. Cơ cấu tổ chức chuyên môn: Số tổ chuyên môn: 4 tổ

- + Tổ 1: Nhà trẻ
- + Tổ 2: Mẫu giáo 3-4 tuổi
- + Tổ 3: Mẫu giáo 4-5 tuổi
- + Tổ 4: Mẫu giáo 5-6 tuổi

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Nhằm phát triển phẩm chất năng lực của trẻ phù hợp với mục tiêu chương trình GDMN và liên thông với chương trình GD phổ thông.

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được quy định tại Chương trình giáo dục hiện hành và đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng

giáo dục; đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ và đảm bảo công bằng, yêu thương, bình đẳng, nhân ái, tôn trọng trẻ; đề cao sự tham gia, liên kết chặt chẽ và phối hợp hiệu quả của cha mẹ trẻ, xã hội, cộng đồng phù hợp với bối cảnh địa phương và của nhà trường.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm và có tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực để phát huy, kích lệ tính chủ động, sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các Mục tiêu - Nội dung chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT sao cho phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, nhóm/ lớp và khả năng, nhu cầu của trẻ. Hướng trẻ tiếp cận dần với tiếng Anh, công nghệ số và giáo dục giới phù hợp độ tuổi. Giúp trẻ đáp ứng sự phát triển của xã hội hiện nay và biết bảo vệ bản thân, có ý thức trong định kiến giới.

Nhằm giúp cho cán bộ quản lý nhà trường có định hướng, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn và thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường cuối mỗi chủ đề, học kì và cuối năm học.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xây dựng môi trường giáo dục

1.1. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trẻ

a. Môi trường vật chất

**** Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp***

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Có khu vực đủ rộng cho trẻ chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ vận động.
- Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

*** Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời**

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.
- Có khu vui chơi với cát, nước,...

b. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2.2. Xây dựng môi trường giáo dục mẫu giáo

a. Môi trường vật chất

*** Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

*** Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:**

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.
- Khu phát triển thể chất.

b. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

3. Cho trẻ làm quen với tiếng Anh

- Thực hiện theo thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Nhà trường có hợp đồng với công ty VICTORIA dạy tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo.

- Chương trình được xây dựng nhằm hướng tới hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học.

*** Với trẻ 3 tuổi:**

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh;

- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp;

- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi...

*** Với trẻ 4 tuổi:**

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.

- Thích tìm hiểu, khám phá các nền văn hóa khác.

- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.

- Nghe và nhận diện, nhận biết được được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 5, một số từ, cụm từ đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và thực hiện được một số câu lệnh đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động hoặc 1 -3 từ, một số mẫu câu rất đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình.

- Nghe và phản hồi được bằng cử chỉ, hành động hoặc bằng 1-3 từ khi chơi trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.

- Nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc, phù hợp với

lứa tuổi trong phạm vi từ vựng được làm quen.

- Hát theo, hát được một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.

*** Với trẻ 5 tuổi**

- Trẻ hứng thú trong các hoạt động làm quen với tiếng Anh.

- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.

- Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi.

- Nghe và thực hiện được 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.

- Nghe và thực hiện được theo hướng dẫn bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói (1-3 từ) khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;

- Nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen;

- Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu trong phạm vi từ vựng được làm quen;

- Hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi;

- Tô màu được một số nét, chữ cái tiếng Anh.

4. Giáo dục kỹ năng sống

- Giáo viên nhà trường lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động trong ngày theo kế hoạch.

*** Với trẻ 3 tuổi:** Giáo dục kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự bảo vệ bản thân,...

*** Với trẻ 4 tuổi:** Giáo dục kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, Kỹ năng vệ sinh, kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích.

*** Với trẻ 5 tuổi:** Giáo dục kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, Kỹ năng vệ sinh, bảo vệ môi trường, kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích và một số kỹ năng khác.

5. Tiếp cận công nghệ số.

- Nhà trường cho trẻ mẫu giáo tiếp cận với công nghệ số, giáo viên nhà trường dạy trẻ để trẻ có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non. Trẻ có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.

6. Tiếp cận giáo dục giới

- Nhà trường cho trẻ mẫu giáo tiếp cận giáo dục giới, giáo viên nhà trường dạy trẻ để trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau, biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình, trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

7. Tiếp cận phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực.

- Nhà trường tiếp cận phương pháp giáo dục Steam.
- Tiếp cận phương pháp giáo dục Montessori.

PHẦN HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp 100% trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

1. Phát triển thể chất

- 97 - 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- 100% trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- 100% trẻ Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- 100% trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- 100% trẻ Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- 100% trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

1. Phát triển nhận thức

- 100% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- 100% trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan.
- 100% trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1. Phát triển ngôn ngữ

- 100% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- 100% trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- 100% trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- 100% trẻ hồn nhiên trong giao tiếp.

1. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- 100% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- 100% trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- 100% trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- 100% trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

II. PHÂN PHỐI THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Lương Bằng. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

- + Học kỳ I bắt đầu từ ngày 06/9/2023, kết thúc trước ngày 15/01/2024
- + Hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II trước ngày 25/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2024.
- Quy định số tuần học:
- + Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ

50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

IV. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

* Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

* Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

* Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

* Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2 Giáo dục

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

2.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

2.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Môi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) *Phát triển cảm xúc thẩm mỹ*

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

3 Mục tiêu, nội dung giáo dục theo độ tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Lĩnh vực phát triển thể chất:	
1.1. Phát triển vận động:	
a. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
MT1: Trẻ thực hiện các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng, bụng, chân.	+ Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít, thở, tay, lưng/ bụng và chân trong bài tập thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất. + Hô hấp: tập hít vào thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
b. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT2: Trẻ giữ thăng bằng trong khi vận động đi.	- Tập đi: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi trong đường ngoằn ngoèo.
MT3: Trẻ thực hiện sức mạnh đôi chân trong vận động chạy.	+ Chạy: - Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh.
MT4: Trẻ thực hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung- bắt bóng với cô ở một khoảng cách 1m + Tung-bắt bóng cùng cô + Ném bóng (túi cát) về phía trước + Ném bóng (túi cát) vào đích xa 1 - 1,5m
MT5: Trẻ phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng, bò trườn qua vật cản.

MT6: Trẻ thực hiện sức mạnh của đôi chân trong vận động nhún bật.	- Tập nhún bật tại chỗ, bật qua vật cản.
c. Thực hiện vận động, cử động của bàn tay, ngón tay.	
MT7: Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay; thực hiện “múa khéo”.	- Vận động cổ tay, bàn tay – thực hiện “múa khéo”.
MT8: Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Múa - Rót nước, nhào đất nặn - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối – tập cầm bút, tô vẽ.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
a. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT9: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Biết một số thức ăn quen thuộc: cơm, cháo, canh... - Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.
MT10: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Biết một số thức ăn quen thuộc: cơm, cháo, canh...
MT11: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.
MT12: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa Trẻ. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Ngủ một giấc buổi trưa. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.
b. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
c. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.	
MT13: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh). Biết làm một số việc khi có sự giúp đỡ.	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn: tự xúc cơm, đi dép, lấy nước uống, đi vệ sinh. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu: ăn, ngủ, đi vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT14: Trẻ chấp nhận đội mũ khi đi nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập các thao tác: đội mũ khi đi nắng; đi giày dép; mặc quần áo khi trời lạnh.

<p>MT15: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, giếng khi được nhắc nhở.</p> <p>- Trẻ biết gọi, kêu cứu cho người lớn khi phát hiện có cháy.</p> <p>- Không đến gần ao hồ, sông suối...</p>
<p>MT16: Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Biết tránh một số hành động nguy hiểm: leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, khi được nhắc nhở.</p>
<p>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.</p>	
<p>a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan:</p>	
<p>MT17: Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<p>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</p> <p>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</p> <p>- Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</p> <p>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.</p> <p>- Ném vị của một số thức ăn, quả (mặn, chua, ngọt).</p>
<p>MT18: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>	<p>- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</p>
<p>b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi:</p>	
<p>MT19: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.</p>	<p>- Nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp.</p> <p>- Nói được tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</p> <p>- Nói được tên cô giáo và các bạn, nhóm/lớp khi được hỏi.</p>
<p>MT20: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p>	<p>- Nói được tên, chức năng của một số bộ phận của cơ thể như mắt, mũi, tai, tay, chân.</p>

MT21: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Nói được tên, đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc.
MT22: Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT23: Trẻ biết được tên gọi, ý nghĩa về ngày hội, ngày lễ trong năm.	- Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. - Tết trung thu. - Ngày Nhà giáo Việt Nam. - Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. - Tết Nguyên Đán. - Ngày hội của bà của mẹ.
MT24: Trẻ nhận biết mùa xuân, mùa hè.	- Tên và một vài đặc trưng của mùa xuân, mùa hè.
MT25: Trẻ chỉ nói tên hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Nhận biết một số màu cơ bản. - Nhận biết màu đỏ, màu xanh, màu vàng.
MT26. Trẻ nhận biết được kích thước to – nhỏ.	- Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ dùng đồ chơi kích thước to – nhỏ theo yêu cầu.
MT27. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có số lượng.	- Biết số lượng một và nhiều.
MT28. Trẻ nhận biết được hình tròn, hình vuông.	- Chỉ, nói tên được hình tròn, hình vuông.
MT29. Trẻ xác định được vị trí trong không gian.	- Xác định được vị trí trước sau, trên dưới so với bản thân trẻ.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe hiểu lời nói.	
MT30. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. Trả lời câu hỏi: “Ai đây?” “Cái gì đây?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?,...)	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “làm gì?”, “...thế nào?”, (ví dụ: con gà gáy như thế nào?).
MT31: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và	- Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện.

hành động của các nhân vật.	
b. Nói nhắc lại các âm, các tiếng và các câu:	
MT32: Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Nói rõ các âm s/x; ch/tr - Nói rõ các tiếng, ví dụ trường mầm non, lớp măng non, nhút nhát.
MT33: Trẻ đọc được các bài thơ ca dao, đồng giao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe, đọc các bài thơ, đoạn thơ ngắn phù hợp với độ tuổi.
c. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp:	
MT34: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Nói được câu đơn, câu có 5 -7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
MT35: Trẻ sử dụng lời nói với mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây?, cái gì đây? - Trẻ biết nói to đủ nghe, lễ phép.	- Trẻ biết: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây? - Nói to, rõ ràng. Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
d. Làm quen với sách.	
MT36: Trẻ mở sách xem và gọi tên các sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.	- Trẻ lật lần lượt từng trang sách, xem tranh, gọi tên các con vật, nhân vật trong tranh. - Trẻ lắng nghe người lớn đọc sách.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ.	
a. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
MT37: Trẻ nói được vài thông tin về mình (tên, tuổi). Thể hiện điều mình thích, không thích.	- Nhận biết tên tuổi của mình, một vài đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
MT38: Trẻ nhận diện được các tình huống mang tính, định kiến, khuôn mẫu giới.	- Biết một số khu vực riêng tư trên cơ thể và hiểu rằng không ai được quyền đụng chạm.
b. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT39: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ	- Giao tiếp với mọi người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ

lời nói. - Nhận biết trạng thái và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi bằng cách bắt chước tiếng kêu, gọi.	chơi với bạn. - Quan tâm đến các con vật nuôi.
c. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
MT40: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. - Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi.
MT41: Trẻ tiếp cận với công nghệ số.	- Trẻ làm quen với công nghệ số.
d. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.	
MT42: Trẻ mạnh dạn tham gia các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi.	- Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy múa,... giơ tay phát biểu khi đàm thoại trong các hoạt động hằng ngày.
MT43: Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	- Uống sữa xong bỏ rác vào thùng. - Nhặt lá cây rụng bỏ vào thùng rác khi tham gia hoạt động dạo chơi ngoài trời, vườn.
MT44: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT45: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xâu, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.

4.4 Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện

	Tên chủ đề	Số tuần	TG thực hiện	Các mục tiêu				Tổng MT
				PTTC	PTNT	PTNN	PTTC XHTM	
1	Bé và các bạn	4 tuần	06/09/2023 – 29/09/2023	1,2,3,5,7,9 ,15	17,19,20, 23,25	30,31,32, 33,35	37,40,43, 44,45	22
2	Đồ chơi của bé	3 tuần	2/10/2023 - 20/10/2023	1,2,5,8,10, 12,16	17,18,23, 25	31,33,34, 36	39,42,44, 45	19
3	Các bác các cô trong nhà trẻ	3 tuần	23/10/2023 – 10/11/2023	1,2,3,8,11, 13	17,19,21, 25	30,31,33, 35	37,40,44, 45	19
4	Bé và người thân trong gia đình	4 tuần	13/11/2023 - 8/12/2023	1,2,4,5,6,8 ,12,14	19,21,23, 26,27,28	31,33,34, 36	37,38,39, 41,44,45	24
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần	11/12/2023 – 05/1/2024	1,2,4,5,6,9 ,16	17,21,23, 27,29	30,31,33, 34,35	39,42,44, 45	21
6	Tết và mùa xuân	3 tuần	08/01/2024 - 26/01/2024	1,2,4,6,7, 10,15	17,21,23, 25,26,27	30,31,33, 35	40,42,44, 45	21
7	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần	29/01/2024 - 01/03/2024	1,2,5,6,9, 13	17,21,25, 26,27	30,31,33, 36	39,42,43, 44,45	20
8	Bé thích đi bằng PTGT gì	4 tuần	04/03/2024 – 29/03/2024	1,2,3,4,6, 11,13	17,22,23, 25,27,28	31,33,34, 35	39,42,44, 45	21
9	Mùa hè với bé	3 tuần	01/04/2024 – 19/04/2024	1,2,4,5,12, 14	17,24,26, 29	31,32,33, 36	40,42,43, 44,45	19
10	Bé lên mẫu giáo	3 tuần	22/04/2024 – 10/05/2024	1,2,4,6,8, 13	17,19,26, 28,29	31,33,35, 36	37,39,44, 45	19

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

* Các hoạt động giáo dục

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

*** Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục**

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

* Phương pháp giáo dục

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với ng-ười thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a. Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b. Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c. Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu g-ương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết như-ng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cơ-ờng giao tiếp, hướng

dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

6. Tiếp cận phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực.

- Tiếp cận phương pháp giáo dục Steam.

- Tiếp cận phương pháp giáo dục Montessori.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá hàng ngày

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

2. Đánh giá theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp 100% trẻ em từ 3 đến 6 tuổi trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1. Phát triển thể chất

- 95-98% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- 100% trẻ có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- 100% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- 100% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- 100% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- 100% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. Phát triển nhận thức

- 100% trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- 100% trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- 100% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- 100% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. Phát triển ngôn ngữ

- 100% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- 100% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- 100% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- 100% trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- 100% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- 100% trẻ có ý thức về bản thân.
- 100% trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- 100% trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- 100% trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- 100% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

5. Phát triển thẩm mỹ

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- 100% trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- 100% trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

6. Làm quen với tiếng anh

- 65-90% trẻ có khả năng giới thiệu tên, tuổi... của bản thân bằng tiếng Anh.
- 60-90% trẻ có khả năng gọi(nói) tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.
- 65-90% trẻ nói được một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.

7. Tiếp cận với công nghệ số

- 85-100% trẻ có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.
- 70-100% trẻ sử dụng được bảng tương tác.
- 75-100% trẻ có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.

8. Tiếp cận giáo dục giới

- 85-100% trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
- 85-100% trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...
- 75-100% trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

II. PHÂN PHỐI THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Lương Bằng. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I bắt đầu từ ngày 06/9/2023, kết thúc trước ngày 15/01/2024

+ Hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II trước ngày 25/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2024.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ

70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

IV. NỘI DUNG

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.*
- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. GIÁO DỤC

2.1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) *Phát triển vận động*

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

2.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

2.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

2.4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

2.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

3. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

3.1. Mục tiêu- Nội dung giáo dục độ tuổi MG 3 tuổi

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
1. Lĩnh vực phát triển thể chất.	
1.1. Phát triển vận động	
MT1. Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> * Thể dục buổi sáng. * Thể dục phát triển vận động. (Tại phân tập bài tập phát triển chung). - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, quay sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang,

	<p>ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Co duỗi chân. - Bật: tại chỗ hoặc tiến lên phía trước phía sau</p>
<p>MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.</p>	<p>- Đi: + Đi trong đường hẹp. + Đi kiễng gót. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi trên vạch kẻ trên sàn.</p>
<p>MT3. Trẻ kiểm soát được vận động khi chạy. + Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 – 4 điềm đích dắc) không chệch ra ngoài.</p>	<p>- Chạy: + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Chạy nhanh 10m.</p>
<p>MT4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt và thực hiện trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). + Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</p>	<p>+ Tung, đập, lăn, bắt bóng với cô. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</p>
<p>MT5. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>+ Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Bật tại chỗ 3-4 lần. + Bật xa 20 - 25 cm. + Bật về phía trước 3-4 lần. + Bật nhảy qua dây. + Nhảy lò cò tại chỗ 2-3 lần. + Bật liên tục qua 3 vòng. + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Trườn về phía trước. + Bò chui qua cổng. + Bước lên xuống bục cao 30cm. + Trèo lên xuống ghế.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Trườn chui dưới dây. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích nằm ngang.
<p>MT6. Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay.</p> <p>+ Gập, đan ngón tay vào nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
<p>MT7. Trẻ biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Xếp chồng các hình khối khác nhau. + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút. + Tô vẽ nguệch ngoạc. + Cài, cởi cúc. + Đan, tết.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
<p>MT8. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh.</p> <p>- Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
<p>MT9. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn đủ lượng, đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<p>MT10. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</p> <p>+ Rửa tay, lau mặt, súc miệng.</p> <p>+ Tháo tất, cởi quần áo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Làm quen cách đánh răng, lau mặt. + Tập rửa tay bằng xà phòng. + Thể hiện bằng lời nói nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
<p>MT11. Trẻ biết sử dụng bát thìa cốc đúng cách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng kí hiệu.
<p>MT12. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Mời cô và bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. + Không uống nước lã. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Ăn hết khẩu phần, không xúc cơm và thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.

<p>MT13. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vệ sinh rang miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Nhận biết trang phục theo thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.
<p>MT14. Trẻ nhận ra và tránh một số vật nguy hiểm như: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không nên đến gần khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) + Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Trẻ biết gọi, kêu cứu cho người lớn khi phát hiện có cháy. + Không đến gần ao hồ, sông suối...
<p>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức. 2.1. Khám phá khoa học.</p>	
<p>MT15. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự vật: Người, đồ vật, con vật, cây cối. - Hiện tượng: + Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ich lợi của nước với đời sống con vật, con người, cây. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Một số đặc điểm của đất, đá, cát sỏi.
<p>MT16. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

<p>MT17. Trẻ thích làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	<p>+ Thả các vật vào nước để biết vật chìm hay nổi. + Chong chóng gió; Thổi bóng xà phòng...</p>
<p>MT18. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<p>- Làm một số thí nghiệm đơn giản. - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.</p>
<p>MT19. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu, nổi bật. - Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô.</p>	<p>+ Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. + Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>
<p>MT20. Trẻ nhận ra một vài mối liên hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. - Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.</p>	<p>+ Mối liên hệ đơn giản giữa cây con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng + Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Ich lợi của nước với đời sống con vật, con người, cây. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Cách chăm sóc và bảo vệ các con vật</p>
<p>2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	
<p>MT21. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm trong phạm vi 5 như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng và đếm theo khả năng. - Trẻ biết đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p>	<p>+ Nhận biết 1 và nhiều và đếm theo khả năng + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</p>
<p>MT22. Trẻ biết so sánh số lượng 2</p>	<p>+ So sánh về số lượng hai nhóm đối tượng</p>

nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	trong phạm vi 5.
MT23. Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	+ Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT24. Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm nhỏ..	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT25. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	+ Xếp xen kẽ. + Xếp tương ứng 1-1. + Ghép đôi.
MT26. Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau.	+ So sánh 2 đối tượng kích thước.
MT27. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên của các hình: hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.	+ Nhận biết gọi tên, hình tròn và hình tam giác, Hình vuông và hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình học để chắp ghép.
MT28. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết phía trên, dưới, phía trước, phía sau, tay phải, tay trái của bản thân.
2.3. Khám phá xã hội	
MT29. Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện.	+ Tên tuổi giới tính của bản thân
MT30. Trẻ nói được tên của bố mẹ và của các thành viên trong gia đình. - Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.
MT31. Trẻ nói được tên trường tên lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi khi được hỏi trò chuyện.	+ Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. + Tên các bạn đồ dùng đồ chơi của lớp, các

	hoạt động của trẻ ở trường
MT32. Trẻ nhận thức về giới, đa dạng giới và các tình huống mang tính, định kiến, khuôn mẫu giới.	+ Tôn trọng bản thân và người khác. + Biết một số khu vực riêng tư trên cơ thể và hiểu rằng không ai được quyền đụng chạm. + Nhận diện và bày tỏ thái độ trước các tình huống mang tính, định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới.
MT33. Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	+ Tên gọi một số nghề + Gọi được tên sản phẩm của một số nghề và ích lợi của một số nghề phổ biến.
MT34. Trẻ biết kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	+ Ngày quốc khánh. + Ngày hội đến trường của bé. + Ngày tết thiếu nhi 1/6 + Ngày tết trung thu. + Ngày tết cổ truyền của dân tộc. + Ngày mừng 8/3 + Ngày sinh nhật bác 19/5
MT35. Trẻ kể tên được vài danh lam thắng cảnh của địa phương.	+ Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày hội ngày lễ của địa phương.
3. Phát triển ngôn ngữ	
MT36. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ “cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ.”	+ Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT37. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả.	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
MT38. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?
MT39. Trẻ nói rõ các tiếng và nói đủ nghe, không nói lí nhí.	+ Phát âm các tiếng của tiếng việt.
MT40. Trẻ sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Trẻ kể lại được sự việc đơn giản	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. + Kể lại sự việc. + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.

<p>đã diễn ra của bản thân như thăm ông bà đi chơi xem phim...</p> <p>- Trẻ kể lại chuyện đơn giản được nghe dưới sự giúp đỡ của người lớn.</p>	
<p>MT41. Trẻ sử dụng câu đơn câu ghép, sử dụng các từ vâng ạ, dạ thưa trong giao tiếp</p>	<p>+ Sử dụng các từ chỉ lễ phép.</p> <p>+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p> <p>+ Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn câu mở rộng.</p>
<p>MT42. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ ca dao đồng dao.</p>	<p>+ Đọc thơ tục ngữ ca dao đồng dao hò vè.</p>
<p>MT43: Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.</p> <p>- Trẻ biết bắt trước giọng nói các nhân vật.</p>	<p>+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.</p> <p>+ Đóng vai theo lời dẫn chuyện của cô giáo.</p>
<p>MT44. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách chuyện cho nghe, tự giờ sách xem tranh.</p> <p>- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa gọi tên nhân vật trong tranh.</p> <p>- Trẻ thích vẽ nguệch ngoạc.</p>	<p>+ Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc truyện.</p> <p>+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>+ Tiếp xúc với chữ viết và sách chuyện.</p> <p>+ Giữ gìn sách truyện.</p> <p>+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.</p> <p>+ Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt.</p>
<p>4. Phát triển kỹ năng xã hội.</p>	
<p>MT45. Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân, và nói được điều bé thích, không thích.</p>	<p>+ Tên tuổi giới tính</p> <p>+ Điều bé thích không thích</p>
<p>MT46. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.</p> <p>- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.</p> <p>- Trẻ biết cùng chơi với bạn trong nhóm nhỏ.</p>	<p>+ Chơi hòa thuận với bạn.</p> <p>+ Chờ đến lượt.</p> <p>+ Tự tin của bản thân trước các hoạt động.</p> <p>+ Nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p>

MT47. Trẻ nhận ra cảm xúc vui buồn sợ hãi qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh...	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui buồn sợ hãi, tức giận qua nét mặt cử chỉ giọng nói.
MT48: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi tức giận.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
MT49. Trẻ biết nhận ra hình ảnh bác hồ, thích nghe kể chuyện, hát, đọc thơ về bác Hồ và quê hương.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.
MT50. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, sau khi chơi cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp và gia đình để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ.
MT51. Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	+ Cử chỉ lời nói lễ phép. + Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”.
MT52. Trẻ chú ý khi nghe cô, bạn nói.	+ Biết chú ý lắng nghe.
MT53. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối. + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Biết tiết kiệm nước.
MT54: Trẻ tiếp cận với công nghệ số.	- Trẻ làm quen với công nghệ số.
MT55: Trẻ biết tắt, mở tivi, điện thoại và thao tác mở 1 số chương trình dành cho trẻ mầm non.	- Trẻ tự tắt mở tivi, điện thoại khi được sự đồng ý của người lớn.
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT56. Trẻ biết vui sướng và vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

<p>MT57. Trẻ chú ý nghe thích được hát theo vỗ tay nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe, kể chuyện.</p> <p>- Trẻ hát tự nhiên hát theo giai điệu bài hát quen thuộc.</p>	<p>+ Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)</p> <p>+ Hát đúng giai điệu lời ca bài hát.</p>
<p>MT58. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát bản nhạc (vỗ tay theo phách, theo nhịp, vận động minh họa).</p> <p>- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát bản nhạc quen thuộc.</p>	<p>+ Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát bản nhạc</p> <p>+ Sử dụng các nhạc cụ gõ đệm theo phách nhịp.</p> <p>+ Vận động theo ý thích các bài hát bản nhạc quen thuộc.</p>
<p>MT59. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.</p> <p>- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, sử dụng dấu vân tay để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm.</p> <p>- Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm.</p>	<p>+ Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>+ Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.</p>
<p>MT60. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.</p> <p>- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm.</p> <p>- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, nhìn ngắm và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình.</p>	<p>+ Nhận xét các sản phẩm tạo hình.</p> <p>+ Tạo ra các sản phẩm theo ý thích</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.</p>

3.2. Mục tiêu- Nội dung giáo dục theo độ tuổi 4-5 tuổi

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1. Lĩnh vực phát triển thể chất.	

<p>MT 1. Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Thể dục buổi sáng. * Thể dục phát triển vận động. (Tại phân tập bài tập phát triển chung). + Hô hấp: Hít vào, thở ra + Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) + Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Quay sang trái, quay sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: <ul style="list-style-type: none"> - Nhún chân - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ - Đứng, lần lượt từng chân, co cao đầu gối.
<p>MT 2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi kiễng gót, bằng gót chân. + Đi khuyu gối. + Đi bước lùi (3m) + Đi trên ghế thể dục. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn (3m) + Đi bước dồn trước trên ghế thể dục + Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi thay đổi tốc độ theo vật chuẩn
<p>MT 3. Trẻ kiểm soát vận động khi chạy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Chạy nhanh 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh (vật chuẩn) + Chạy chậm 70-80 m + Chạy theo đường đích dắc
<p>MT 4. Trẻ biết phối hợp tay-mắt và thực hiện trong vận động tung, ném, bắt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Tung bắt bóng với người đối diện + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay (khoảng 40-50cm) + Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao)

	<p>1,2m)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2m – 1,4m) + Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay + Chuyên bắt bóng qua đầu + Chuyên bắt bóng qua chân
<p>MT 5. Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt trong vận động bò, trườn, trèo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m + Bò đích dắc qua 4-5 điểm + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0.6m + Trườn theo hướng thẳng 1,5 – 2m + Trèo lên xuống thang 5 gióng + Trèo qua ghế dài: 150cm x 30cm
<p>MT 6. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập bật, nhảy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật, nhảy: + Bật – nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm) + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40 cm và theo khả năng + Bật tách chân, khép chân qua 5-7 ô + Bật qua vật cản cao 10-15cm và theo khả năng + Nhảy lò cò 4-5m.
<p>MT 7. Trẻ thực hiện được các vận động của ngón tay, cổ tay, biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, ngón tay, gấn, nôi. + Gập giấy + Lắp ghép hình: 10-12 khối và theo khả năng + Xé, cắt đường thẳng + Tô, vẽ hình + Cài, cởi cúc, khâu buộc dây
<p>MT 8. Trẻ biết nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm, nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản. Biết ăn uống để đủ chất dinh dưỡng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng, đồ thật...) + Nhận biết một số món ăn quen thuộc + Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn đủ lượng, đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì, suy dinh dưỡng...)

MT 9. Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.	+ Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.
MT 10. Trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.	+ Nhận diện các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.
MT 11. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản khi được nhắc nhở.	+ Tập đánh răng, lau mặt. + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Đeo khẩu trang đúng cách
MT 12. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn.	+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn. + Tập một số kỹ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng.
MT 13. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	+ Mời cô và bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. + Không uống nước lã. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Uống đủ nước tốt cho sức khỏe.
MT 14. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Vệ sinh răng miệng, không đưa tay lên mắt mũi miệng + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định.

<p>MT 15. Trẻ nhận ra và biết tránh những đồ vật, những nơi nguy hiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm nguy hiểm đến tính mạng. + Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng. + Không đến gần những nơi nguy hiểm. + Không nên đi lại chơi gần những nơi như ao, hồ... + Báo cho người lớn khi phát hiện có cháy, + Tìm cách thoát ra khỏi nơi xảy ra đám cháy.
<p>MT 16. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết và tránh những tác hại của việc cười đùa trong ăn uống và khi ăn các loại quả có hạt + Biết không nên ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... + Không ra khỏi trường khi không được cô giáo cho phép.
<p>MT 17. Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
<p>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.</p>	
<p>a. Khám phá khoa học</p>	
<p>MT 18. Trẻ nhận biết chức năng các giác quan trên cơ thể</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
<p>MT 19. Trẻ thích tìm hiểu, khám phá đồ vật (đồ dùng, đồ chơi)</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi + Nhận biết một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu
<p>MT 20. Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng của PTGT, phân loại 1-2 dấu hiệu và một số quy định giao thông đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Trẻ gọi tên, đặc điểm, công dụng, của một số PTGT + Một số quy định giao thông đơn giản + Thực hiện đúng quy định về an toàn giao thông khi đi ra đường, đi trên các PTGT.

	+ Phân loại PTGT theo theo đặc điểm ... công dụng, nơi hoạt động...
MT 21. Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số con vật	+ Tên gọi con vật gần gũi xung quanh trẻ + Đặc điểm, ích lợi và tác hại của một số con vật + Cách chăm sóc, bảo vệ. + Môi liên hệ với môi trường sống + So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật. + Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu
MT 22. Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số cây cối hoa quả.	+ Tên gọi nhóm cây cối gần gũi xung quanh trẻ + Đặc điểm, ích lợi của cây cối, hoa, quả + Cách chăm sóc, bảo vệ. + Môi liên hệ với môi trường sống + So sánh sự giống và khác nhau của một số cây cối, hoa, quả. + Phân loại cây cối, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu
MT 23. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng đó.	+ Khám phá sự vật, hiện tượng xảy ra xung quanh trẻ. + Tìm hiểu về một số hiện tượng thiên nhiên, về không khí, ánh sáng. + Đặc điểm của các mùa trong năm (mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông). Trang phục thay đổi theo mùa + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Tìm hiểu về nguồn nước có trong môi trường sống. + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT 24. Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	+ Các nguồn nước trong môi trường sống. + Một số đặc điểm, tính chất của nước, chất liệu của đồ dùng đồ chơi, sự phát triển của cây cối + Làm thực nghiệm, thí nghiệm.

MT 25. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	+ Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như: - - - Suu tầm tranh ảnh - Trò chuyện với người lớn, với bạn bè, nhận xét
MT 26. Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	+ Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... + Hát, múa ... + Vẽ, nặn, xé, dán...
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
MT 27. Trẻ biết quan tâm đến chữ số và số lượng.	+ Thích đếm các vật ở xung quanh + Phát hiện chữ số xung quanh trẻ + Hứng thú tham gia hoạt động đếm số lượng chữ số trong lớp.
MT 28. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 + Đếm theo khả năng.
MT 29. Trẻ nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	+ Nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 5. + Nhận biết số thứ tự từ 1-5.
MT 30. Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ Đếm các nhóm đối tượng + So sánh về số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.
MT 31. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. Gộp lại đếm và nói kết quả	+ Tách một nhóm có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn. + Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT 32. Trẻ biết xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi có mối liên quan.	+ Xếp tương ứng 1 – 1, + Ghép đôi.
MT 33. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	+ So sánh, phát hiện ra quy tắc và sắp xếp theo quy tắc.
MT 34. Trẻ biết cách đo độ dài, đo dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.

MT 35. Trẻ biết so sánh kích thước của 2-3 đối tượng	+ So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2-3 đối tượng + Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước
MT 36. Trẻ nhận biết được sự giống và khác nhau giữa 2 hình (tròn, vuông, tam giác, chữ nhật).	+ So sánh khác nhau và giống nhau của các hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật - Phân biệt hình tròn – vuông; hình tròn – Hình chữ nhật; hình tròn – hình tam giác - Phân biệt hình chữ nhật với hình tam giác - Phân biệt hình vuông với hình chữ nhật, hình vuông với hình tam giác
MT 37. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 38. Trẻ biết xác định được vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác	+ Xác định phía phải - phía trái của bản thân + Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân + Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ + Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bạn khác
MT 39. Trẻ nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	+ Nhận biết các buổi trong ngày: sáng trưa, chiều, tối
c. Khám phá xã hội	
MT 40. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện
MT 41. Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	+ Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
MT 42. Trẻ nhận biết về gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ gia đình + Một số nhu cầu gia đình
MT 43. Trẻ có hiểu biết về	+ Tên trường và địa chỉ của trường, lớp

trường mầm non	<ul style="list-style-type: none"> + Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường + Tên và một vài đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. + Các hoạt động của trẻ ở trong trường.
MT 44. Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống của địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> + Tên gọi, công cụ sản phẩm các hoạt động của một số nghề. + Sản phẩm của một số nghề và ích lợi của một số sản phẩm đó. + Yêu quý người lao động, trân trọng sản phẩm của người lao động
MT 45. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm, các hoạt động của một số ngày lễ hội như: <ul style="list-style-type: none"> + Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. + Tết trung thu. + Ngày Nhà giáo Việt Nam. + Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. + Tết Nguyên Đán. + Ngày hội của bà của mẹ. + Ngày sinh nhật Bác...
MT 46. Trẻ kể tên và nêu được một số đặc điểm của cảnh đẹp, di tích của địa phương, quê hương đất nước	<ul style="list-style-type: none"> + Tên gọi, đặc điểm nổi bật của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương và danh lam thắng cảnh nổi tiếng. + Tìm hiểu về thủ đô Hà Nội
MT 47. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. + Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác. + Cùng cô kể chuyện về Bác. + Kính yêu Bác Hồ.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.	
MT 48. Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp của người khác.
MT 49. Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> + Các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau quả, con vật.. và các từ biểu cảm. + Giải nghĩa một số từ dưới sự giúp đỡ của người khác

MT 50. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp Trao đổi, trả lời câu hỏi với người khác về đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng gia đình, về cây cối, con vật.....
MT 51. Trẻ biết diễn đạt để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm tiếng có chứa âm khó + Nói rõ ràng để người nghe hiểu được + Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi + Tốc độ, âm lượng phù hợp với người nghe
MT 52. Trẻ biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian	+ kể lại một số tình tiết của truyện đã được nghe + kể lại sự việc đã gặp, đã xảy ra + Kể lại sự việc theo trình tự thời gian
MT 53. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	+ Bày tỏ nhu cầu tình cảm hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai”; “Cái gì”; “Ở đâu”
MT 54. Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ chỉ sự lễ phép. + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp khi giao tiếp.
MT 55. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè.	+ Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao...
MT 56. Trẻ kể lại truyện đã được nghe	+ Kể lại truyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc + Bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện + Kể chuyện theo tranh. + Kể tiếp và kết thúc truyện. + Đóng kịch
MT 57. Trẻ biết chọn sách, sử dụng sách	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen với cách đọc tiếng việt: + Hướng đọc: từ trái -> phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Giữ gìn và bảo vệ sách. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
MT 58. Trẻ nhận dạng một số chữ cái	+ Nhận dạng 1 số chữ cái. + Tập tô, đồ các nét chữ.
MT 59. Trẻ biết nhận ra ký	+ Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong

hiệu thông thường trong cuộc sống.	cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...
MT 60. Trẻ biết sử dụng các ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	+ sử dụng các ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	
MT 61. Trẻ thể hiện được ý thức của bản thân, nói tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ, cô giáo và các bạn trong lớp.	+ Tên, tuổi giới tính của bản thân + Tên bố mẹ. + Những điều trẻ thích, không thích, những việc trẻ có thể làm được.
MT 62. Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. + Cố gắng hoàn thành công việc được giao. + Vui vẻ nhận công việc được giao + Mạnh dạn tự tin trong sinh hoạt, giao tiếp, mạnh dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người.
MT 63. Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	+ Nhận biết một số trạng cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên
MT 64. Trẻ thể hiện tình cảm với Bác Hồ	+ Kính yêu Bác Hồ + Thể hiện tình cảm với Bác qua hát, đọc thơ, kể chuyện.
MT 65. Trẻ quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
MT 66. Trẻ thực hiện được một số hành vi ứng xử trong xã hội.	+ Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn + Cảm ơn khi được giúp đỡ hay nhận quà + Chờ đến lượt, hợp tác, chia sẻ + yêu mến quan tâm người thân trong gia đình + Phân biệt được các hành vi tốt, xấu; đúng- sai. + Thể hiện sự ăn năn, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và biết xin lỗi.
MT 67. Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép.

<p>MT 68. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận, với bạn bè để cùng thực hiện hoạt động chung.</p>	<p>+ Trao đổi, thỏa thuận, phối hợp với các bạn cùng thực hiện hoạt động tập thể (chơi, trực nhật...)</p>
<p>MT 69. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.</p>	<p>+ Thích thú, vui vẻ nhận nhiệm vụ chăm sóc tưới cây, cho con vật quen thuộc, hiền lành + Không bẻ cành, ngắt hoa.</p>
<p>MT 70. Trẻ biết giữ gìn bảo vệ môi trường.</p>	<p>+ Giữ gìn bảo vệ môi trường: Bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh + Có hành vi tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. + Giữ gìn đồ dùng đồ chơi.</p>
<p>MT 71. Trẻ biết tác dụng của máy tính, tivi, điện thoại, biết tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non, trẻ tự tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên YouTube, Google</p>	<p>- Máy tính giúp trẻ tìm kiếm các thông tin, các bài giảng hay cũng như các phần mềm học tập hữu ích. + Hay như điện thoại có thể giúp gọi cấp cứu, cứu hỏa hay gọi cha mẹ khi bị lạc. + Tivi giúp các con có thể xem các chương trình thiếu nhi yêu thích - Dạy trẻ tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại và một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non. - Hướng dẫn trẻ tự tìm kiếm thông tin, hình ảnh trên YouTube, Google, tham gia vào các trò chơi phát triển trí thông minh, hay nghe lại các câu chuyện, bài thơ trên lớp</p>
<p>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.</p>	
<p>MT 72. Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống với tác phẩm nghệ thuật.</p>	<p>+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
<p>MT 73. Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc</p>	<p>+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau. (nhạc thiếu nhi, dân ca). + Hát đúng giai điệu lời, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. + Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p>

	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
MT 74. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. + Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 75. Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra các phẩm + Trẻ biết sử dụng các kỹ năng tô màu, vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình, in màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét. + Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
MT 76. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình	+ Lựa chọn, sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau, để tạo ra các sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng của mình + Đặt tên cho sản phẩm của mình

3.3. Mục tiêu- Nội dung giáo dục theo độ tuổi 5-6 tuổi

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
A: Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Phát triển vận động	
Mục tiêu 1. Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) - Co và duỗi từng tay, kết hợp với kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao) - Lưng, bụng, lườn. + Ngửa người ra sau kết hợp với tay giơ lên cao, chân bước sang phải sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang chân bước sang phải, sang trái. - Chân.

	<ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra phía trước , đưa sang ngang , đưa về phía sau + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về sau
<p><u>Mục tiêu 2:</u> Trẻ có thể hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên giữ được tập chung chú ý. - Hào hứng suốt giờ học. - Tích cực tham gia các hoạt động - Hoàn thành các yêu cầu của bài tập đúng thời gian.
<p><u>Mục tiêu 3.</u> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động. Đi lên đi xuống trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,30m) 1 đầu kê cao 0,30m Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục Đứng 1 chân và giữ thăng người trong 10 giây Kiểm soát tốt được vận động: Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần) Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván kê dốc - Đi nội bàn chân tiến lùi - Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục - Đi thay đổi tốc độ hướng, dịch dắc theo hiệu lệnh - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đứng bằng 1 chân - Chạy nâng cao đùi - Chạy theo đường zíc zắc
<p><u>Mục tiêu 4.</u> Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt và ném bóng với người đối diện (Kc 4m) Ném trúng đích đứng (Xa 2mx cao 1,5m) Đi đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân
<p><u>Mục tiêu 5:</u> Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chận khoảng 100- 120m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m

<p>Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây</p> <p>Bò vòng qua 5-6 điểm zíc zắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò chui qua cổng - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghé dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống thang 7 gióng thang
<p>Mục tiêu 6. Trẻ biết thể hiện sức mạnh khi thực hiện bài tập bật, bật nhảy từ độ cao 40cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 - 50cm - Bật tách, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản 15- 20 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 40- 45cm) - Bật nhảy liên tục về phía trước
<p>Mục tiêu 7. Trẻ biết nhảy lò cò trong khoảng 5m</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò tại chỗ. - Nhảy lò cò liên tục về phía trước. - Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. - Nhảy lò cò 5m
<p>Mục tiêu 8. Trẻ thực hiện được các vận động uốn ngón tay, bàn tay; xoay tròn cổ tay, gập mở các ngón tay, biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.</p> <p>Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay</p> <p>Gập mở lần lượt từng ngón tay</p> <p>Vẽ hình và sao chép chữ cái và số</p> <p>Cắt được theo đường viền các hình vẽ</p> <p>Xếp chồng 12 -15 khối theo mẫu</p> <p>Tự cài, cởi cúc, xâu giày...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét - Cài, cởi cúc xâu dây giày , cài quai dép, đóng mở phéc –mơ- tuya
<p>Mục tiêu 9. Trẻ lựa chọn và nói được tên một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm

<p><u>Mục tiêu 10.</u> Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán kho, gạo nấu cơm, nấu cháo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói cách sơ chế các thực phẩm đơn giản - Nhận biết các món ăn trong bữa ăn hằng ngày. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến món ăn, thức uống
<p><u>Mục tiêu 11.</u> Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn: ăn chín uống nước đun sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày, ích lợi của việc ăn đủ lượng, đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
<p><u>Mục tiêu 12.</u> Trẻ biết thực hiện một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội, giặt nước cho sạch
<p><u>Mục tiêu 13.</u> Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống, trong vệ sinh phòng bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô và bạn khi ăn ăn từ tốn - Không cười đùa, không làm đổ thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường, ăn thức ăn bị ôi thiu các loại lá, quả dễ bị ngộ độc - Không uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe - Biết không tự ý uống thuốc - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sang ngủ dậy - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. Nói với người lớn khi bị ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp
<p><u>Mục tiêu 14.</u> Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, những vật sắc nhọn, ao hồ bể chứa nước, giếng, bụi rậm...</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</p>
<p><u>Mục tiêu 15 :</u> Trẻ nhận biết được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp:

<p>một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ</p>	<p>cháy, có bạn, người bị rơi xuống nước, ngã chảy máu cam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi bị người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được cho phép của người lớn và cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi gọi người lớn giúp đỡ
<p><u>Mục tiêu 16</u> Trẻ biết phối hợp các giác quan tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh và tìm hiểu về sự thay đổi của các hiện tượng tự nhiên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết thay đổi theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm - Nhận ra sự khác biệt giữa các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Ích lợi và tác hại của thời tiết đến môi trường sống của cây, con vật và con người - Nhận ra đặc điểm của các mùa trong năm. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng
<p><u>Mục tiêu 17.</u> Trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về sự thay đổi của nước, không khí và ánh sáng, đất, sỏi...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước có trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối - Một số đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm các nguồn nước - Không khí, ánh sáng, sự cần thiết của nó đối với đời sống. - Đặc điểm tính chất của đất, sỏi, đá..
<p><u>Mục tiêu 18.</u> Trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về đặc điểm, tên gọi, ích lợi, tác hại của cây cối, hoa quả quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa quả quen thuộc, và tác hại của nó đối với đời sống con người - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các cây, hoa quả - Sự phát triển của cây. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây
<p><u>Mục tiêu 19.</u> Trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về một</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của một số con vật gần gũi quen thuộc.

số đặc điểm, tên gọi, ích lợi, tác hại của con vật.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh điểm giống và khác nhau của 2-3 con vật - Điều kiện sống của con vật - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật
Mục tiêu 20. Trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm, chức năng, các giác quan và một số bộ phận của cơ thể con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các giác quan và các bộ phận trên cơ thể - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
Mục tiêu 21. Trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về đặc điểm nổi bật, tên gọi, công dụng, cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi
Mục tiêu 22: Trẻ biết trẻ biết phối hợp các giác quan để tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. Biết một số luật lệ giao thông đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số loại phương tiện giao thông. - Tác dụng của các loại phương tiện đó đối với đời sống con người. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu - Một số luật lệ giao thông đơn giản khi tham gia giao thông. - Tác dụng của việc chấp hành luật lệ giao thông
Mục tiêu 23. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về một số hiện tượng tự nhiên.	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm vật nổi vật chìm - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát sỏi... - Nhận biết một số hiện tượng tự nhiên đơn giản. - Đặc điểm của hiện tượng tự nhiên đang diễn ra - Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích được vì sao có hiện tượng này. - Dự đoán các hiện tượng sắp xảy ra. - So sánh các hiện tượng khi làm thí nghiệm
Mục tiêu 24. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về sự phát triển của cây, con vật	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm tích chất của lá cây, xốp - Thí nghiệm gieo hạt - Thí nghiệm về sự phát triển của cây - Quá trình phát triển của cây, con vật điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật
Mục tiêu 25 Trẻ biết thu thập	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và

<p>thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.</p>	<p>thảo luận về đối tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin về đối tượng bằng các cách khác nhau. - Xem sách, tranh ảnh, băng hình. - Kể, nhận xét về nội dung tranh ảnh khi được xem, được nghe...
<p>Mục tiêu 26: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 2-3 dấu hiệu. Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi - Phân loại cây, hoa, quả - Phân loại các con vật theo đặc điểm chung - Phân loại các phương tiện giao thông - Phân loại các nhóm thực phẩm - Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
<p>Mục tiêu 27. Trẻ biết nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản của cây cối với môi trường sống. - Mối quan hệ của con vật với môi trường sống. - Mối quan hệ của các sự vật hiện tượng đơn giản với môi trường xung quanh - Mối quan hệ của nước với môi trường sống con người, cây cối, con vật... - Giải thích mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
<p>Mục tiêu 28. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm ra cách riêng để giải quyết vấn đề - Tự tin vào bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động - Có ý thức để hoàn thành công việc được giao. - Vui mừng khi được giao nhiệm vụ.
<p>Mục tiêu 29. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát, biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét những đặc điểm giống và khác nhau của các đối tượng khi quan sát - Nói được đặc điểm giống và khác nhau của mình với người khác - Dùng cử chỉ, hành động, lời nói để thể hiện những hiểu biết về đối tượng. - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo các chủ đề - Hiểu biết của trẻ về các đối tượng khi được chơi, được nghe, được làm...
<p>Mục tiêu 30. Trẻ biết quan tâm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết con số và đếm trên đồ vật, đồ chơi ở

đến các con số. Trẻ nhận biết và đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	xung quanh - Nhận biết các con số trong môi trường xung quanh và ý nghĩa của các con số trong cuộc sống hàng ngày - Nhận ra số lượng và đếm - Cách đếm các nhóm đối tượng - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
<u>Mục tiêu 31</u> Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- So sánh về số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 - Nhận biết và nói các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn...
<u>Mục tiêu 32.</u> Trẻ biết tách gộp các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
<u>Mục tiêu 33.</u> Trẻ nhận biết các số từ 5- 10 và sử dụng các chữ số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10
<u>Mục tiêu 34.</u> Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận ra các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (Số nhà, biển số xe...) - Nhận ra ý nghĩa của các con số được sử dụng trong môi trường xung quanh khi được nhìn thấy
<u>Mục tiêu 35</u> Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Thao tác xếp, cách xếp - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
<u>Mục tiêu 36.</u> Nhận ra quy tắc sắp xếp mẫu và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và sắp xếp lại, tạo ra quy tắc sắp xếp.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại - So sánh phát hiện ra quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp
<u>Mục tiêu 37.</u> Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để so sánh và nói kết quả	- So sánh độ dài, kích thước, chiều cao của 3 đối tượng
<u>Mục tiêu 38.</u> Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo độ dài, dung tích, so sánh và nói kết quả đo	- Cách sử dụng dụng cụ đo, cách đo - Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo

<p><u>Mục tiêu 39.</u> Trẻ biết gọi tên và chỉ ra điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết gọi tên khối cầu, khối trụ, khối chữ nhật, khối vuông và nhận dạng các khối này trong thực tế Phân biệt khối cầu, khối trụ, khối chữ nhật, khối vuông và nhận dạng các khối này trong thực tế
<p><u>Mục tiêu 40.</u> Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau
<p><u>Mục tiêu 41.</u> Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau, Phái trên – phía dưới, phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn
<p><u>Mục tiêu 42.</u> Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần theo thứ tự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số ngày trong tuần theo thứ tự - Ngày đầu tuần, ngày cuối tuần. - Gọi tên các thứ trong tuần
<p><u>Mục tiêu 43.</u> Trẻ nhận biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các buổi trong ngày. - Các sự kiện diễn ra trong ngày - Nhận biết, hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Nói ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.
<i>Khám phá xã hội</i>	
<p><u>Mục tiêu 44.</u> Trẻ nói đúng họ, tên, tuổi, ngày sinh, giới tính và sở thích riêng của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về bản thân khi giao tiếp với người khác (Họ tên, tuổi, giới tính...) - Nói về khả năng, sở thích riêng của mình và những việc làm được và không làm được cho người khác biết.
<p><u>Mục tiêu 45:</u> Trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.
<p><u>Mục tiêu 46</u> Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về các thành viên trong gia đình và nhu cầu của gia đình, nói được địa chỉ, kiểu nhà của gia đình khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ những thông tin chính về gia đình, người thân trong gia đình. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, số điện thoại - Công việc của các thành viên trong gia đình. - Sở thích và nhu cầu của gia đình - Nhu cầu của gia đình

	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô, kiểu nhà của gia đình - Nói địa chỉ của gia đình (xóm, thôn, xã, huyện) khi được hỏi trò chuyện.
<u>Mục tiêu 47.</u> Trẻ có một số hiểu biết về trường lớp Mầm non.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên trường, lớp, địa chỉ của trường - Đồ dùng, đồ chơi trong trường của bé - Tên lớp, biết tên cô giáo, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường. - Tên các bạn trong lớp, đặc điểm của các bạn trong lớp - Đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp khi được hỏi và hoạt động của các bạn
<u>Mục tiêu 48.</u> Trẻ biết một số thông tin cần thiết về trường Tiểu học.	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường tiểu học. Tên trường, lớp, địa chỉ của trường - Công việc của các thầy cô trong trường tiểu học - Các hoạt động của các bạn trong trường tiểu học.
<u>Mục tiêu 49.</u> Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm ích lợi của một số nghề trong xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công việc của một số nghề. - Công cụ của một số nghề - Sản phẩm của một số nghề và ích lợi của một số sản phẩm đó... - Ý nghĩa của một số nghề
<u>Mục tiêu 50.</u> Trẻ biết kể tên, đặc điểm, hoạt động nổi bật, ý nghĩa của các ngày hội, ngày lễ trong năm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi đặc điểm của các ngày hội ngày lễ trong năm. - Ngày hội đến trường của bé. - Ngày tết thiếu nhi 1/6 - Ngày tết trung thu. - Ngày 8.3 - Ngày tết cổ truyền của dân tộc...
<u>Mục tiêu 51.</u> Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật của 1 số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Hưng Yên, Việt Nam. - Biết được ngày hội, ngày lễ sự kiện văn hóa của Hưng Yên, Việt Nam
<u>Mục tiêu 52.</u> Trẻ có một số hiểu biết về Bác Hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Bác là ai - Hình ảnh của Bác - Các di tích lịch sử gắn với công ơn của Bác.
<u>Mục tiêu 53:</u> Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...

điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	
<p>Mục tiêu 54. Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. Hiểu được nghĩa của từ khái quát. Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu lời nói của mọi người và làm theo yêu cầu đơn giản của người khác. - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp - Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể - Hiểu các từ chỉ khái quát, trái nghĩa về con vật, cây cối, đồ dùng, đồ chơi. - Lắng nghe khi người khác trao đổi, trò chuyện, nhắc nhở. - Đáp lại và trả lời những câu hỏi của người khác phù hợp với hoàn cảnh. - Hỏi lại khi không hiểu người khác nói. - Dùng các câu hỏi tại sao? như thế nào? để hỏi lại - Thể hiện cử chỉ nét mặt khi không hiểu cho người khác biết như cau mày, khó chịu...
<p>Mục tiêu 55: Trẻ biết phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
<p>Mục tiêu 56. Trẻ biết nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp.
<p>Mục tiêu 57. Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. Trẻ biết nói rõ ràng để người khác có thể hiểu được, sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ biết cách khởi sự trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép, câu phủ định, câu khẳng định. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai”; “Cái gì”; “Ở đâu” - Nói rõ những điều muốn nói để người khác hiểu - Sử dụng giọng nói phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Biết chờ đến lượt, không nói leo, ngắt lời người khác. Biết khởi sự chơi. - Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với từng tình huống. - Sử dụng các từ khái quát chỉ sự vật, hoạt động,

	<p>đặc điểm trong cuộc sống hàng ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng
<u>Mục tiêu 58</u> Trẻ biết kể lại sự việc với một số thông tin khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc diễn ra có sự tham gia của bản thân theo trình tự để người khác có thể hiểu được. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết - Kể lại sự việc theo trình tự - Mô tả sự vật, hiện tượng cho người khác hiểu
<u>Mục tiêu 59.</u> Trẻ đọc thuộc, đọc diễn cảm và hiểu nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao...	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao... - Đọc thuộc thơ, đọc diễn cảm, ca dao, đồng dao, tục ngữ...phù hợp với độ tuổi - Nghe những bài thơ, ca dao...phù hợp
<u>Mục tiêu 60</u> Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kể theo kinh nghiệm của bản thân. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu và kết thúc, kể sáng tạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc truyện qua các tranh vẽ - Nói hành động của các nhân vật trong tranh đã được nghe đọc, kể - Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo tranh, theo đồ vật, dựa vào tranh vẽ dùng ngôn ngữ của mình kể lại trình tự câu chuyện - Kể chuyện sáng tạo
<u>Mục tiêu 61.</u> Trẻ biết đóng vai một số nhân vật trong truyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu - Đóng kịch theo lời dẫn truyện của giáo viên.
<u>Mục tiêu 62</u> Trẻ biết sử dụng các từ chào hỏi, lễ phép phù hợp với từng tình huống, biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. Không nói tục và chửi bậy. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng, lễ phép - Chào hỏi lễ phép với mọi người xung quanh phù hợp với tình huống giao tiếp - Chủ động sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi... không cần người khác nhắc nhở. - Không nói tục chửi bậy. - Không nói leo, ngắt lời người khác... - Nói với âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt ánh mắt phù hợp. - Luôn nhìn vào người đối diện đang nói.
<u>Mục tiêu 63.</u> Trẻ biết chọn sách để đọc và xem, biết giữ gìn bảo	<ul style="list-style-type: none"> - Xem, nghe đọc các loại sách khác nhau. - Tìm và xem các loại sách theo ý thích

vệ sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người khác cho xem các loại sách mà mình thích - Giữ gìn và bảo vệ sách - Cát sách đúng nơi quy định
Mục tiêu 64. Trẻ biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh, nói tên nhân vật trong tranh - Phân biệt được phần mở đầu và kết thúc của sách - Làm quen cách đọc, hướng dẫn đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.
Mục tiêu 65. Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống. Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...) - Nhận biết và phát âm đúng những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh.
Mục tiêu 66. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng một số chữ cái
Mục tiêu 67. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cầm bút - Sử dụng các ký hiệu đơn giản để làm những thứ mình thích hoặc theo sự hướng dẫn của mọi người - Hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Tập tô các chữ cái - Hướng tô viết của các nét chữ
Mục tiêu 68. Trẻ nói được những điều bé thích, không thích, những việc làm được, không làm được. Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình. Ứng xử phù hợp với giới tính của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác - Sở thích, khả năng của bản thân - Ứng xử phù hợp với giới tính của mình - Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.
Mục tiêu 69: Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày. Biết cố gắng hoàn thành công việc	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công việc được giao (vệ sinh cá nhân, trực nhật, xếp gọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động làm

được giao.	<p>một số công việc đơn giản hàng ngày, không cần người khác nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vâng lời và giúp đỡ cô và mọi người những việc vừa sức - Có ý thức để hoàn thành công việc được giao. - Hứng thú khi làm công việc của mình - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
<u>Mục tiêu 70:</u> Trẻ biết tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.	- Dạy trẻ tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại và một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.
<u>Mục tiêu 71:</u> Có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.	- Dạy trẻ mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non
<u>Mục tiêu 72.</u> Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc vui, buồn sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... qua nét mặt, lời nói, cử chỉ của người khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói... của người khác - Cảm nhận trạng thái xúc cảm của mọi người và chia sẻ đồng cảm, cảm xúc của mình với những người xung quanh - Thể hiện cảm xúc cho người khác biết - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, nét mặt, giọng nói trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến
<u>Mục tiêu 73.</u> Trẻ biết an ủi chia vui với người thân và bạn bè. Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ vui, buồn với người thân và bạn bè khi vui, khi buồn. - Yêu mến những người thân trong gia đình - An ủi mọi người - Chia sẻ những gì mình có với mọi người xung quanh - Quan tâm giúp đỡ mọi người, bạn bè, chia sẻ đồ dùng, đồ chơi, đồ ăn.) - Nhận ra mọi người đang cần giúp đỡ - Giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.
<u>Mục tiêu 74.</u> Trẻ nhận ra được	- Nhận được Bác Hồ qua hình ảnh, tranh, báo và

<p>hình ảnh Bác Hồ, và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác. Biết thể hiện tình cảm đối với Bác</p>	<p>một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với Bác bằng cử chỉ, hành động - Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác.
<p>Mục tiêu 75. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Kim Động, Hưng Yên, Hà Nội.
<p>Mục tiêu 76. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng về an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng - Để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Chào cô chào bạn khi đến lớp và khi về - Vâng lời ông bà, bố mẹ... <p>đi chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
<p>Mục tiêu 77 Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, lễ phép với mọi người xung quanh phù hợp với tình huống giao tiếp. - Chủ động dùng các từ chào, hỏi... trong các tình huống phù hợp. - Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép - Yêu mến mọi người.
<p>Mục tiêu 78. Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói, không ngắt lời người khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự tôn trọng cô giáo và bạn bè. - Lắng nghe ý kiến của người khác, đáp lại bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt - Không ngắt lời người khác khi người đó đang nói
<p>Mục tiêu 79. Trẻ biết chờ đến lượt. Quan tâm đến công bằng trong nhóm bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên nhẫn chờ đến lượt mình, không chen ngang, không xô đẩy, không tranh giành với người khác - Hợp tác tốt với bạn. Tôn trọng và có hiểu biết về sự công bằng quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn
<p>Mục tiêu 80. Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung, biết tìm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến với bạn về suy nghĩ và ý kiến của mình trong các tình huống, các hoạt động

<p>cách để giải quyết mâu thuẫn. Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng lời nói để trao đổi, thỏa thuận với bạn bè trong mọi hoạt động. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng, sai, tốt, xấu” - Nhận ra những việc mình không thể làm được - Đề nghị sự giúp đỡ của bạn bè và người lớn khi cần thiết - Nhận ra những việc làm không tốt ảnh hưởng đến người khác - Đoán được hậu quả của hành động. - Kiểm chế những hành vi tiêu cực: (Đánh bạn, quăng quật, gào khóc.) Khi bị khó chịu tức giận. - Dùng lời nói diễn tả cảm xúc để giải quyết khi khó chịu tức giận. - Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn - Chơi đoàn kết hòa thuận với bạn bè. - Hòa đồng với các bạn trong lớp
<p><u>Mục tiêu 81.</u> Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu quý cây, con vật - Bảo vệ và chăm sóc cây cối, con vật.
<p><u>Mục tiêu 82</u> Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường. Nhận biết được 1 số hành động sai của con người đối với môi trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường, trong và ngoài lớp học, mọi lúc mọi nơi. - Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi người - Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh môi trường - Nhắc nhở mọi người có ý thức bảo vệ môi trường - Không xả rác thải bừa bãi, không ngắt lá, bẻ cành, hái hoa...
<p><u>Mục tiêu 83.</u> Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng điện, nước tiết kiệm Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng. - Ăn hết xuất, không lãng phí
<p><u>Mục tiêu 84.</u> Trẻ biết không đi theo và nhận quà người khác khi chưa được người thân cho phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết người thân, người lạ - Biết không nên đi theo, nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. - Biết tự bảo vệ: la to, kêu cứu chạy đi gặp người lớn để cứu khi thấy bạn nhận quà và đi theo người

	bạn.
<u>Mục tiêu 85.</u> Trẻ biết hút thuốc là có hại không đến gần người hút thuốc lá.	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được tối thiểu 3/6 địa điểm không được hút thuốc lá. - Chỉ đúng tối thiểu 3/6 bức tranh mô tả tác hại của thuốc lá - Giải thích được tại sao không nên hút thuốc lá và ở gần người hút thuốc lá
<u>Mục tiêu 86.</u> Trẻ biết tán thưởng tự khám phá, bắt trước âm thanh, dáng điệu và sử dụng những từ gợi cảm nói nên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.
<u>Mục tiêu 87.</u> Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng hứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, thể hiện động tác minh họa phù hợp..) theo bài hát, bản nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca). - Nghe cô hát và hưởng ứng cùng cô - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) các bài hát, bản nhạc.
<u>Mục tiêu 88.</u> Trẻ thích thú ngắm nhìn chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về tác phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cảm xúc phù hợp trong khi ngắm nhìn vẻ đẹp sản phẩm. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng đường nét, bố cục...
<u>Mục tiêu 89.</u> Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
<u>Mục tiêu 90</u> Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các loại dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp, tiết tấu.
<u>Mục tiêu 91.</u> Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các

sắc hài hòa, bố cục cân đối. Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình của bạn về màu sắc, hình dáng, bố cục.
Mục tiêu 92. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, kỹ năng cắt, xé dán, kỹ năng nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc, đường nét, bố cục. - Phối hợp các kỹ năng xé, cắt, dán, để tạo thành bức tranh có hình dáng, bố cục đẹp. - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm tạo hình có màu sắc, kích thước, theo ý thích hoặc theo yêu cầu.
Mục tiêu 93. Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích, biết đặt lời mới cho một bài hát, bản nhạc.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc một đoạn)
Mục tiêu 94. Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc phù hợp để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.
Mục tiêu 95. Trẻ biết nói nên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói nên ý tưởng trong sản phẩm tạo hình. - Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích
Mục tiêu 96. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHO TRẺ 3-4 TUỔI, TRẺ 4- 5 TUỔI và 5-6 TUỔI LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
- Trẻ biết giới thiệu tên, tuổi... của bản thân bằng tiếng Anh.	- Giới thiệu về bản thân trẻ.
- Trẻ biết gọi (nói) tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.	- Gọi tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.
- Trẻ nói được một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.	- Nói một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.

4. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**Khối 3-4 tuổi**

T T	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển					Tổng MT
				PTTC	PTNT	PTNN	PTTC KNX H	PTT M	
1	Trườn g mầm non	4 tuần	06/09/2023 - 29/09/2023	1,2,4,5, 6,7,10	17,21,27, 31,32,34	40,41, 42,43	46,50, 53,54	56,57, 58,59, 60	26
2	Bản thân	4 tuần	02/10/2023 - 27/10/2023	1,2,5,6, 7,8,10, 12	16,17,25, 28,29,32	40,42, 43	45,46, 50,53, 54	57,58, 59,60	26
3	Gia đình	4 tuần	30/10/2023 - 24/11/2023	1,3,4,5, 6,7,8	17,19,21, 22,28,30, 34	39,41, 42,43	46,50, 53	56,57, 58,59, 60	26
4	Nghề nghiệp	4 tuần	27/11/2023 - 22/12/2023	1,2,3,5, 6,7,11	17,23,24, 26, 33	38,39, 40,42, 43	47,53, 55	56,57, 58,59, 60	25
5	TG động vật	4 tuần	25/12/2023 - 19/01/2024	1,4,5,6, 7,12	17,19,20, 21,22,27	38,39, 42,43, 44	47,48, 53,55	57,58, 59,60	25
6	TG thực vật	4 tuần	22/01/2024 - 23/02/2024	1,3,5,6, 7,13	17,19,23, 24,26,34	36,37, 42,43	48,52, 53,55	57,58, 59,60	24
7	Giao thông	4 tuần	26/02/2024 - 22/03/2024	1,2,4,5, 6,7,13	17,19,20, 21,22,26	42,43, 44	51,52, 55	57,58, 59,60	23
8	Nước – HTTN	2 tuần	25/03/2024 - 12/04/2024	1,4,5,6, 7,9,13, 14	15,17,18, 23,24,25	42,43, 44	51,53	57,58, 59,60	23
9	QH - ĐN	3 tuần	15/04/2024 - 10/05/2024	1,2,4,5, 6,7,14	17,21,22, 24,27,34, 35	42,43	49,53	57,58 ,59,60	22

Khối 4-5 tuổi

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các mục tiêu					Tổng MT
				PT TC	PT NT	PT NN	PTTC XH	PT TM	
1	Trườn g MN	4T	6/9/2023 - 29/9/2023	1,2,3,4,5, 11,12,16	25,27,29, 30,32,35,	50,54,55, 56,57,58	61,63, 66	73,74, 75,76	29

					43,45				
2	Bản thân	4T	2/10/2023 - 27/10/2023	1,2,3,5,6, 8,9,10	18,19,27, 29,30,31, 38,40,41	50, 54,55,56, 58	62,63, 66	73,74, 75,76	29
3	Gia đình	4T	30/10/2023 - 24/11/2023	1,2,4,5,6, 7,12,17	27,29,30, 31,35,42, 45	49,50,51, 55,56,57, 58	61,63, 66	73,74, 75,76	29
4	Nghề nghiệp	4T	27/11/2023 - 22/12/2023	1,2,3,4,6, 7,15	26,27,29, 30,36,44	48,49,50, 55,56,57, 58	66,67, 68, 71	73,74, 75,76	28
5	TGDV	4T	25/12/2023 - 19/1/2024	1,3,4,5,6, 7,8,11,16	21,27,29, 31,38	49,50,55, 56,57,58	62,66, 68, 71	72,73, 74,75, 76	29
6	Thế giới TV	4T	22/1/2024 - 23/2/2024	1,4,6,7,8, 11,13,16	22,27,28, 29,37,45	49,50,52, 55,56,57, 58	66,69, 70, 71	73,74, 75,76	29
7	PTGT	4T	26/2/2024 - 22/3/2024	1,3,4,6,7, 11,17	20,27,28, 33,34,36	50,52,53, 55,56,58, 59,60	66,68, 71	72,73, 74,75, 76	29
8	Nước và HTTN	3T	25/3/2024 - 12/4/2024	1,2,5,6,7, 13,14,15, 17	23,24,27, 34,35,39	50,51,53, 55,56,57, 58	66,69, 70	73,74, 75,76	29
9	QH-ĐN-Bác Hồ	4T	15/4/2024 - 10/5/2024	1,3,4,5,6, 7,15	27,28,29, 33,35,45, 46,47	50,51,53, 55,56,58, 60	64,65, 66	73,74, 75,76	29

Khối 5-6 tuổi

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển					Tổng MT
				PTTC	PTNT	PTNN	PTTC KNXH	PTTM	
1	Trường mầm non	4 tuần	06/09/2023 - 29/9/2023	1,2,3,4,6, 8,15	26,28,30, 33,34, 47,50	54,56,59, 62,66,6 7	69,72, 77,78, 79,81	87,89,90, 92	30
2	Bản thân	4 tuần	02/10/2023 - 27/10/2023	1,2,3,4,6, 7,8,9,10, 11	20,21,26, 29,33, 35,39,41, 44,45	53,56,59, 66,67	68,72, 73,85	87,89,90, 92	33
3	Gia đình	4 tuần	30/10/2023 - 24/11/2023	1,2,3,5,6, 7,8,12, 13,14	21,30,31, 32,37, 46,50	56,59,62, 66,67	69,70, 73,80, 82	87,89,90, 92	31
4	Nghề nghiệp	4 tuần	27/11/2023 - 22/12/2023	1,2,3,4,6, 8,15	30,36,37, 39,49, 50	55,56,59, 60,63,6 6,67	70,73, 83,85	86,87,89, 90,92,94	30
5	Thế	4	25/12/2023	1,2,3,4,5	19,24,25	56,57,59	69,77,	87,89,90,	30

	giới động vật	tuần	– 19/01/2024	,6,8,	,30,31, 32,37	,61,65,6 6,67	78,80	91,92	
6	Thế giới thực vật	4 tuần	22/01/2024 – 23/02/2024	1,2,3,4,5 ,6,8,15	18,24,27 ,30,31, 32,37,50	56,58,59 ,66,67	69,71, 79,81	87,89,90, 92,95	30
7	Giao thông	4 tuần	26/02/2024 – 22/3/2024	1,2,3,4,5 ,7,8,14, 15	22,31,33 ,37,40, 45,50	56,59,63 ,66,67	68,70, 72,79	87,89,90, 92,96	30
8	Nước - HTTN	2 tuần	25/3/2024 – 5/4/2024	1,2,3,4,8 ,14, 15	16,17,23 ,38,43, 45	56,59,64 ,65,66,6 7	68,77, 78,80, 84	87,88,89, 90,92	29
9	Quê hương- ĐN-BH	3 tuần	8/4/2024 – 26/4/2024	1,2,3,5,8 ,14	31,32,42 ,50,51, 52	55,56,59 ,65,66,6 7	71,74, 75,76, 77,80	87,89,90, 92,96	29
10	Trường tiểu học	2 tuần	29/4/2024 – 10/5/2024	1,2,3,8, 14,15	29,34,43 ,45,48	55,56,59 ,64,66,6 7	68,70, 71,73, 76	87,89,90, 92,93,96	28

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

* Các hoạt động giáo dục

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ-ược sử dụng như- một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động

đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

*** Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục**

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

*** Phương pháp giáo dục**

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện

thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

6. Tiếp cận phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực.

- Tiếp cận phương pháp giáo dục Steam.
- Tiếp cận phương pháp giáo dục Montessori.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hàng ngày

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục năm học tới giáo viên.
- Kiểm tra quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.
- Hướng dẫn giáo viên thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư 52/2021/BGDĐT.

2. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng độ tuổi và triển khai tới toàn thể giáo viên trong tổ.

- Tổ chức họp tổ chuyên môn theo quy định (2 tuần/lần).

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục ở khối lớp.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo Kế hoạch và điều chỉnh phù hợp.

- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục

- Tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của trường Mầm non Lương Bằng. Đề nghị tổ các chuyên môn và giáo viên toàn trường nghiêm túc thực hiện./.

**NGƯỜI DUYỆT
CHỦ TỊCH HĐQT TRƯỜNG**



Vũ Thị Thuý

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Triệu Thị Huân